

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HSST

Ngày: 23-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hạnh

Ông Trần Văn Hoa

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Châu Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 05/2018/HSST, ngày 08/02/2018 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Thị V; sinh Năm: 1965; nơi cư trú: ấp C, xã V, Huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 02/12; con ông: Huỳnh Văn Đ, sinh Năm: 1941; con bà: Phan Thị N, sinh Năm: 1945; có chồng: Đặng Văn N; sinh Năm: 1962; có 02 người con, người lớn nhất sinh Năm 1987, nhỏ nhất sinh Năm 1989; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/4/2016. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt tại phiên tòa).

2. Đặng Hoàng H; sinh Năm: 1985; nơi cư trú: ấp C, xã V, Huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 01/12; con ông: Đặng T T, sinh Năm: 1967; con bà: Phan Kim X, sinh Năm: 1965; có vợ: Nguyễn Thùy T; sinh Năm: 1985; có 01 người con sinh Năm : 2008; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/02/2016. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Huyện Châu Đức tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt tại phiên tòa).

3. Đặng Văn N; sinh Năm: 1987; nơi cư trú: ấp C, xã V, Huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 06/12; con ông: Đặng Văn N, sinh năm: 1989; có 02 người con, lớn nhất sinh Năm: 2010, nhỏ nhất sinh Năm: 2012; tiền sinh Năm: 1962; con bà: Huỳnh Thị V, sinh Năm: 1965; có vợ: Trần Thị Bé N, tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/02/2016. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Huyện Châu Đức tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt tại phiên tòa).

4. Đào Duy T; sinh Năm: 1984; nơi cư trú: ấp G, xã P, Huyện X, tỉnh B; nghề nghiệp: T xế; trình độ văn hoá: 12/12; con ông: Đào Duy T (đã chết); con bà: Bùi Thị K, sinh Năm: 1950; có vợ: Đinh Thị H, sinh Năm: 1989; có 02 người con, lớn nhất sinh Năm: 2015, nhỏ nhất sinh Năm : 2017; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/02/2016 đến ngày 16/01/2017 được Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Đức cho gia đình bảo lãnh. Hiện đang ở ấp G, xã P, Huyện X, tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Hồng Â; sinh Năm: 1983; nơi cư trú: ấp X, xã P, Huyện X, tỉnh B; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hoá: 10/12; con ông: Nguyễn Văn T; sinh Năm: 1952; con bà: Nguyễn Thị H, sinh Năm: 1956; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/02/2016 đến ngày 05/10/2017 được Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Đức cho gia đình bảo lãnh. Hiện đang ở ấp X, xã P, Huyện X, tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

6. Trương Quốc T; sinh Năm: 1984; nơi cư trú: ấp X, xã P, Huyện X, tỉnh B; nghề nghiệp: T xế; trình độ văn hoá: 9/12; con ông: Trương Kim S; sinh Năm: 1948; con bà: Hồ Thị O, sinh Năm: 1952; có vợ: Trình Thị Cẩm L; sinh N: 1990; có 01 người con sinh Năm: 2013; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/4/2017 đến ngày 05/10/2017 được Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Đức áp dụng biện pháp cho gia đình bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại ở ấp X, xã P, Huyện X, tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

7. Hoàng Văn N; sinh Năm: 1971; nơi cư trú: ấp S, xã S, Huyện C, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hoá: 9/12; con ông: Hoàng Văn C; sinh Năm: 1935; con bà: Lâm Thị C, sinh Năm: 1937; có vợ: Lê Thị M; sinh Năm: 1979; có 03 người con, lớn sinh Năm; 2002, nhỏ nhất sinh Năm: 2009; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang ở tại ấp S, xã S, Huyện C, tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Ông Phạm Hồng T, sinh Năm: 1973; cư trú tại: ấp S, xã X, Huyện C, tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tô T P, sinh Năm: 1978; cư trú tại: ấp S, xã S, Huyện X, tỉnh Đ (có mặt tại phiên tòa).

2. Bà Phan Thị G (H), sinh Năm: 1972; cư trú tại: ấp 3, xã H, Huyện X, tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

3. Bà Bùi Thị K, sinh Năm: 1950; cư trú tại: tổ 01, ấp G, xã P, Huyện X, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh Năm: 1960; cư trú tại: số 37, khu phố P, thị trấn P, Huyện X, tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

5. Ông Đào Duy T, sinh Năm: 1986; cư trú tại: tổ 01, ấp G, xã P, Huyện X, tỉnh B (vắng mặt tại phiên tòa).

6. Bà Hồ Thị O, sinh Năm: 1952; cư trú tại: 114, tổ 3, ấp X, xã P, Huyện X, tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

7. Bà Trần Thị Bé N, sinh Năm: 1986; Hộ khẩu thường trú: Khóm S, thị trấn S, Huyện T, tỉnh C.

Chỗ ở hiện nay: ấp 3, xã N, Huyện T, tỉnh Đ (có mặt tại phiên tòa).

8. Bà Phan Kim X, sinh Năm: 1965; cư trú tại: ấp C, xã V, Huyện H, tỉnh B (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H, Đặng Văn N, Đào Duy T, Nguyễn Hồng Â, Trương Quốc T và Hoàng Văn N bị Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Đức truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng đầu tháng 01/2016, Trương Quốc T là Tài xế chở cám heo, có quen biết với Huỳnh Thị V (là người làm thuê tại trại heo của ông Phạm Hồng T ở thôn S, xã S, Huyện C). V nhờ T tìm mối mua heo giúp, thì T cho V số điện thoại của Đào Duy T để hai bên thỏa thuận mua bán heo. Ngày 08/01/2016, V gọi điện cho T, hai bên thỏa thuận giá là 1.500.000 đồng/01con heo và thời gian chở heo là 23 giờ cùng ngày. T rủ thêm Nguyễn Hồng Â cùng tham gia mua bán heo để kiếm tiền tiêu xài, Â đồng ý. Đến chiều, V rủ Đặng Văn N (con trai V), Đặng Hoàng H (là cháu V) và Đặng Văn N (là chồng của V) cùng trộm heo của ông T bán thì tất cả đồng ý. Khoảng 23h cùng ngày, V cùng với N, H và N lén lút lùa 20 con heo thịt ra một chuồng chứa gần hàng rào lưới B40 của trại heo đợi T và Â đến mua. Một lúc sau, T và Â điều khiển xe ô tô tải biển số: 72C-039.13 đến đậu phía bên ngoài. Sau đó, V cùng đồng bọn tháo lưới B40 xuống rồi cùng nhau đưa 20 con heo lên xe tải, T đưa cho V số tiền 30.000.000 đồng như thỏa thuận. Â mang bán số heo trên bán cho ông Tô T P ở: ấp S, xã S, Huyện X, tỉnh Đ được số tiền 46.000.000 đồng.

Trong tháng 01/2016, cũng với hành vi tương tự như trên, Huỳnh Thị V cùng với Đặng Văn N, Đặng Văn N và Đặng Hoàng H đã 04 lần trộm cắp heo trong trại Heo của ông T bán cho T và Â. Cụ thể:

Lần thứ 1: V cùng với N, N và H trộm cắp 30 con heo bán cho T và Â với giá 45.000.000 đồng. T và Â mang số heo này về nhà của T. Â bán cho bà Phan Thị G ở: ấp 3, xã H, Huyện X, 20 con được 44.000.000 đồng. Còn 10 con, Â đã bán cho bà Bùi Thị K ở: ấp G, xã P, Huyện X (là mẹ của bị cáo T) được 18.000.000 đồng.

Lần thứ 2: V cùng với N, N và H trộm cắp 30 con heo bán cho T và Â được 45.000.000 đồng. T và Â đã đem số heo trên về nhà của T. Â bán 30 con heo này cho bà Nguyễn Thị H ở: khu phố P, thị trấn P, Huyện X được 75.000.000 đồng.

Lần thứ ba: V cùng với N, N và H trộm cắp 30 con heo bán cho T và Â được 45.000.000 đồng. Lần này, T kêu thêm Đào Duy T (là em trai T) ở: ấp G, xã P, Huyện X đi theo phụ đưa heo lên xe. Sau khi chở heo về nhà của T, Â bán cho bà Nguyễn Thị H 20 con heo được 48.000.000 đồng; Còn 10 con heo, Â đã bán cho mẹ của T là bà Bùi Thị K được 16.000.000 đồng.

Lần thứ tư: V cùng với N, N và H trộm cắp được 28 con heo bán cho T, Â được 42.000.000 đồng. Trong lần mua heo này T cũng nhờ T đi theo phụ bắt heo lên xe. Â bán số heo này cho ông Tô Thị P được 57.000.000 đồng.

Tại Biên bản kết luận Đ giá T sản trộm cắp số: 30/HĐĐG ngày 04/02/2016 của Hội đồng Định giá Huyện Châu Đức kết luận: Tổng giá trị 138 con heo thịt, giống CP, trọng lượng khoảng 50kg/01con, trị giá là: 276.000.000 đồng (BL: 153).

Ngoài các hành vi trộm cắp heo nêu trên thì quá trình điều tra, Huỳnh Thị V còn khai nhận: V trộm cắp 30 con heo con CP, trọng lượng: 10-12kg/01con của ông T đem đổi và bán cho Hoàng Văn N ở gần trại heo của ông T để hưởng tiền chênh lệch, cụ thể như sau:

V nói với Hoàng Văn N là V sẽ trộm cắp heo con CP trong trang trại của ông T để đưa cho N nuôi và N đưa heo con của mình cho V để V đưa về trại heo của ông T nuôi. N sẽ phải trả cho V số tiền chênh lệch 100.000 đồng/01con khi đổi thì N đồng ý. Trong khoảng thời gian tháng 11/2015, V đã trộm cắp tổng cộng 25 con heo con CP của ông T để đổi 25 con heo con loại heo thường của N, V đem số heo thường trên thả vào trại heo của ông T để hưởng chênh lệch 2.500.000 đồng; Sau đó, V trộm cắp được 05 con heo con CP trong trại của ông T để bán cho N với số tiền là 1.000.000 đồng/01con.

Tại Biên bản kết luận Đ giá T sản số: 126/HĐĐG ngày 11/8/2016 của Hội đồng Đ giá Huyện Châu Đức kết luận: Tổng giá trị 30 con heo con, giống CP, trọng lượng khoảng 10-12kg/01con, trị giá là: 43.980.000 đồng.

Ngoài các lần trộm cắp Heo nêu trên, V còn thừa nhận trước đó đã 02 lần trộm cắp cám heo CP tại trại heo của ông T bán cho Trương Quốc T, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng tháng 11/2015, V nảy sinh ý Định trộm cắp cám heo của ông T bán lấy tiền tiêu xài. Lợi dụng hàng ngày đi lấy cám CP cho heo ăn, V đã lấy trộm (bót) được 70 bao cám heo CP kí hiệu 552 đem cất giấu. Do có quen biết với Trương Quốc T là T xé chở cám heo đến giao cho trại của ông T N V đã bàn bạc với T về việc V sẽ lấy trộm cám heo bán cho T với giá 300.000 đồng/01bao, cả 2 đồng ý. Khoảng 23h một ngày giữa tháng 11/2015, T thuê Đào Duy T điều khiển xe tải BS: 72C-039.13 đến trại heo của ông T để lấy cám. Khi T điều khiển xe chở T đến thì V nói với Đặng Hoàng H về việc trộm cắp cám CP và nhờ H vận chuyển 30 bao cám CP kí hiệu 552 lên xe tải của T, rồi sẽ cho tiền H, H đồng ý. Sau đó T đưa cho V số tiền 9.000.000 đồng như đã thỏa thuận từ trước. T nói T chở số cám heo trên đến địa phận Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, T đã bán số cám này cho một người dân (không rõ tên, địa chỉ) với giá 450.000đồng/01 bao, trả tiền thuê xe cho T là 1.000.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 2-3 ngày sau, khi T chở cám đến trại heo của ông T thì T và V lại gặp nhau và tiếp tục bàn bạc việc mua bán cám CP và thống nhất giá mua bán là 300.000đồng/01 bao cám CP. Khoảng 23 giờ ngày kế tiếp, T tiếp tục thuê xe của T đến trại heo của ông T mua 40 bao cám heo CP, kí hiệu 552 mà V đã lấy trộm được trước đó với giá 12.000.000 đồng. Khi bán cho T thì V kêu Đặng Hoàng H phụ đưa cám heo lên xe tải. T lại yêu cầu T đưa số cám heo lên Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và T bán cho một người dân (không rõ tên, địa chỉ) ở đây với giá 450.000đồng/01bao, trả tiền thuê xe cho T với giá 1.000.000 đồng (từ BL 447 đến BL 452).

Tại Biên bản kết luận Đ giá T sản số: 26/HĐĐG ngày 24/02/2017 của Hội đồng Đ giá T sản Huyện Châu Đức kết luận: Tổng giá trị 70 bao cám heo CP, kí hiệu 552, trọng lượng 50kg/01bao, trị giá là: 32.725.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số: 38A/CT-VKS ngày 06/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Đức truy tố các bị cáo:

Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H và Đặng Văn N về tội “Trộm cắp T sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999;

Các bị cáo Trương Quốc T và Hoàng Văn N về tội “Trộm cắp T sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Các bị cáo Đào Duy T và Nguyễn Hồng Â về tội “Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Các bị cáo Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H, Đặng Văn N, Trương Quốc T, Hoàng Văn N đồng phạm tội “Trộm cắp T sản”;

Các bị cáo Đào Duy T, Nguyễn Hồng Â đồng phạm tội “Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, các điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt các bị cáo:

Huỳnh Thị V mức án từ 8 đến 9 N tù;

Đặng Hoàng H mức án từ 7 đến 8 N tù;

Đặng Văn N mức án từ 7 N đến 7 N 6 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự 2015, các điểm b, r, s khoản 1, Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt: Nguyễn Hồng Â 20 tháng 8 ngày tù;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự 2015, các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt: Đào Duy T mức án từ 13-15 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, các điểm h, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt: Hoàng Văn N mức án từ 6 đến 9 tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, các điểm b, h, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Trương Quốc T 05 tháng 28 ngày tù.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xử lý vật chứng đã được thu giữ.

Các bị cáo Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H, Đặng Văn N, Đào Duy T, Nguyễn Hồng Â, Trương Quốc T và Hoàng Văn N đồng ý với bản cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt vì hoàn cảnh hiện nay của các bị cáo rất khó khăn.

Bị hại: Ông Phạm Hồng T sau khi nhận lại số heo của mình, ông T không yêu cầu gì thêm về số Heo ông bị mất;

Đối với 70 bao cám mà các bị cáo V, H và T trộm cắp của ông T: Bà Hồ Thị O (là mẹ của Trương Quốc T) đã bồi thường cho ông T số tiền 11.000.000 đồng. Ông T tiếp yêu cầu các bị cáo V, H bồi thường số tiền 21.725.000 đồng theo giá mà hội đồng Đ giá kết luận.

Ông T xin giảm nhẹ hình phạt cho cả bảy bị cáo.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bồi thường: 123.000.000đ tiền mua heo, chi phí chăm sóc: 43.640.000đ. Tổng cộng: 166.640.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H đã nhận

27.600.000 đồng tiền hỗ trợ của ông Phạm Hồng T và 25.000.000 đồng của Đào Duy T và Nguyễn Hồng Â. Tổng cộng bà H đã nhận được 52.600.000đ. Bà H tiếp tục yêu cầu các bị cáo Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H và Đặng Văn N tiếp tục bồi thường cho bà H số tiền 114.040.000đ.

Bà Phan Thiệu cầu bồi thường: 44.000.000đ tiền mua heo, chi phí chăm sóc: 14.250.000đ. Tổng cộng: 58.250.000 đồng. Bà Phan Thị G đã nhận 11.000.000 đồng tiền hỗ trợ của ông Phạm Hồng T và 10.000.000 đồng của Đào Duy T và Nguyễn Hồng Â. Tổng cộng bà G đã nhận được 21.000.000đ. Bà G tiếp tục yêu cầu các bị cáo Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H và Đặng Văn N bồi thường cho bà G số tiền 37.250.000đ.

Ông Tô T P yêu cầu bồi thường: 103.600.000đ tiền mua heo, chi phí chăm sóc: 38.250.000đ. Tổng cộng: 141.850.000 đồng. Ông Tô T P đã nhận 26.400.000 đồng tiền hỗ trợ của ông Phạm Hồng T và 25.000.000 đồng của Đào Duy T và Nguyễn Hồng Â. Tổng cộng ông P đã nhận được 51.400.000đ. Ông P tiếp tục yêu cầu các bị cáo Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H và Đặng Văn N tiếp tục bồi thường cho ông P số tiền 90.450.000đ.

Bà Bùi Thị K đã nhận bồi thường từ Nguyễn Hồng Â số tiền 15.000.000, nhận từ Đào Duy T số tiền: 15.000.000 đồng và của ông Phạm Hồng T số tiền: 11.000.000 đồng, bà K không còn yêu cầu về trách Nhiệm dân sự.

Bà Hồ Thị O (là mẹ của Trương Quốc T) đã tự nguyện bồi thường cho ông T số tiền 11.000.000 đồng thay cho bị cáo T. Bà O không yêu cầu T trả lại số tiền mà bà O đã bồi thường cho ông T, N trách Nhiệm dân sự giữa bà O và bị cáo T chấm dứt.

Bà Trần Thị Bé N đã nhận lại T sản của bà bị cơ quan điều tra thu giữ. Bà N không có ý kiến gì.

Bà Phan Kim X (là mẹ của bị cáo Đặng Hoàng H). Khi cơ quan điều tra thu giữ những T sản do H phạm tội mà có thì bà X tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra và bà X không có ý kiến gì.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, nghe ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐƠN CỦA TÒA ÁN:

[1] Bản cáo trạng số 38A/CT-VKS ngày 06/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Đức truy tố bị cáo:

Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H và Đặng Văn N về tội “Trộm cắp T sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999;

Các bị cáo Trương Quốc T và Hoàng Văn N về tội “Trộm cắp T sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Các bị cáo Đào Duy T và Nguyễn Hồng Â về tội “Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự N 2015 là có căn cứ.

[2] Tại phiên toà, các bị cáo Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H, Đặng Văn N, Trương Quốc T, Hoàng Văn N, Đào Duy T và Nguyễn Hồng Â thừa nhận:

Trong khoảng từ đầu tháng 11/2015 đến tháng 01/2016 Huỳnh Thị V, Đặng Văn N (là chồng của V - đã bỏ trốn), Đặng Văn N và Đặng Hoàng H là người làm công tại trại heo của ông Phạm Hồng T ở ấp S, xã X, Huyện C, tỉnh B cụ thể:

Khoảng đầu tháng 11/2015 Huỳnh Thị V trộm được 30 con heo giống CP của ông T trị giá 43.980.000 đồng đem đổi và bán cho Hoàng Văn N. N biết rõ đây là T sản trộm do V trộm cắp được, nhưng do V và N đã 02 lần bàn bạc, thỏa thuận trước về việc V sẽ trộm cắp heo để đổi và bán cho N, N đồng phạm với V về tội trộm cắp T sản với V.

Khoảng giữa tháng 11/2015, Huỳnh Thị V trộm được 70 bao cám CP trị giá 32.725.000 đồng của ông T bán cho Trương Quốc T. T biết rõ đây là T sản do V trộm cắp được, nhưng do V và T đã 02 lần bàn bạc, thỏa thuận trước về việc sẽ trộm cắp số cám trên bán cho T, N T đồng phạm với V về tội trộm cắp T sản với V.

Trong tháng 01/2016, Huỳnh Thị V, Đặng Văn N (đã bỏ trốn), Đặng Văn N và Đặng Hoàng H đã 05 lần lén lút trộm cắp được 138 con heo của ông T trị giá 276.000.000đ của ông Phạm Hồng T bán cho Đào Duy T và Nguyễn Hồng A. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại; lời khai của người có quyền và nghĩa vụ liên quan, vật chứng là: 138 con heo thịt, giống heo CP, màu trắng-đốm đen, trên tai có bấm lỗ và hình xăm; 30 con heo con, giống heo CP, màu trắng-đốm đen, trên tai có bấm lỗ và hình xăm; 01 máy tính xách tay hiệu ASUS 554L, Intel core i5, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A33W, màu trắng; 01 chiếc nhẫn vàng 18K, kí hiệu: VM2TS 6107, trọng lượng: 2,5 chỉ; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu QUNIMEX, màu xanh, BS: 94H2-3700, SM: 152FMH-003681, SK: H9HG6G-003681; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SOZ S666, màu đen, số Imei 1: 15401011000364, số Imei 2: 15401012000364; 01 chiếc nhẫn vàng 24K, kí hiệu: Kim V Hồ 9999 20, trọng lượng: 02 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 24K, kí hiệu: Kim V Sơn 9999 10, trọng lượng: 01 chỉ; 05 tờ tiền Polime Việt Nam mệnh giá: 200.000đ/01 tờ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen, kèm theo Sim số: 0977138247; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R831, màu đen-xám, kèm theo Sim số: 0965728829; 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu THACO FRONTIGER, màu xanh, BKS: 72C-039.13; Các Biên bản Đ giá và kết luận giá trị T sản trộm cắp số 30/HĐĐG ngày 04/02/2016; số 26/HĐĐG ngày 24/02/2017 và số 126/HĐĐG ngày 11/8/2016 của Hội đồng Đ giá T sản Huyện Châu Đức và các T liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thấy: Quan điểm luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Đức kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo giữ N nội dung Cáo trạng số: 38A/CT-VKS ngày 06/02/2018 là có căn cứ, N chấp nhận.

[3] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự N 2015 về áp dụng N tắc có lợi cho người phạm tội, thấy rằng: Tại Điều 138 Bộ luật hình sự N 1999 có hình phạt cao nhất là tù chung thân còn Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 có hình phạt cao nhất là 20 N tù. Như vậy, Điều 173 Bộ luật hình sự N 2015 quy Đ hình phạt nhẹ hơn so với Điều 138 Bộ luật hình sự N 1999. Tại khoản 3 Điều 250 Bộ luật hình sự N 1999 có khung hình phạt từ N N đến mười N tù, còn tại khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự N 2015 có hình phạt từ ba N đến bảy N tù. Như vậy,

Điều 173 Bộ luật hình sự N 2015 quy Đ hình phạt nhẹ hơn so với Điều 138 Bộ luật hình sự N 1999. Còn khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự N 2015 có lợi cho người phạm tội hơn khoản 3 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự N 2015 để truy cứu trách Nệm hình sự đối với Trương Quốc T và Hoàng Văn N. Áp dụng khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự N 2015 để truy cứu trách Nệm hình sự đối với Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H và Đặng Văn N. Áp dụng khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự N 2015 để truy cứu trách Nệm hình sự đối với Đào Duy T và Nguyễn Hồng Â.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo: Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H và Đặng Văn N đồng phạm tội “Trộm cắp T sản” quy Đ tại Khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự N 2015;

Các bị cáo: Trương Quốc T và Hoàng Văn N đồng phạm tội “Trộm cắp T sản” quy Đ tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự N 2015;

Các bị cáo Đào Duy T và Nguyễn Hồng Â đồng phạm tội “Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có” quy Đ tại khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự N 2015.

[4] Các bị cáo Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H, Đặng Văn N, Đào Duy T, Nguyễn Hồng Â, Trương Quốc T và Hoàng Văn N là công dân đã trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức và chịu trách Nệm trước pháp luật về hành vi của mình. Nhưng vì tham lam tư lợi N các bị cáo đã dấn thân vào con đường phạm tội. Hành vi trộm cắp heo, cám của ông T được các bị cáo V, H, N, T và N thực hiện một cách cố ý trực tiếp với động cơ, mục đích chiếm đoạt T sản của người khác sử dụng cho bản thân và đem bán lấy tiền tiêu xài. Hành vi tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có của các bị cáo T và Â là những hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo không chỉ xâm hại đến quyền sở hữu T sản hợp pháp của bị hại mà nó còn gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải có một bản án thật nghiêm đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Đây là bài học giáo dục riêng đối với bị cáo đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự N 2015, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách Nhiệm hình sự đối với bị cáo để quyết định cho bị cáo hưởng một mức hình phạt phù hợp.

Trước khi thực hiện tội phạm, các bị cáo không có sự bàn bạc từ trước. Không có sự chỉ H phục tùng, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người đồng phạm, mà các bị cáo phạm tội mang tính tự phát. Do đó, không coi là trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó hành vi của các bị cáo: Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H, Đặng Văn N Trương Quốc T và Hoàng Văn N đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp T sản”, trong đó V là người khởi xướng, rủ các bị cáo khác thực hiện tội phạm. V trực tiếp bán heo và cầm tiền đồng thời giữ phần lớn số tiền trộm cắp được do đó V là người có vai trò nguy hiểm nhất trong vụ án. Còn Đặng Hoàng H, Đặng Văn N là những người đồng phạm tham gia với vai trò là người thực hành. Riêng Trương Quốc T và Hoàng Văn N tuy không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp T sản của ông T cùng với V, H và N nhưng T và N đã biết, hứa hẹn trước và đồng ý với V là V trộm cắp heo và cám

heo của ông T sau đó thì T mua lại cám heo đem bán hưởng chênh lệch còn N thì đem heo CP về nhà nuôi N vai trò ít nguy hiểm hơn. Đối với hành vi tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có của T và A thì sau khi mua heo của V thì A đã bốn lần đi bán heo, còn T và A cùng đi bán một lần do đó A có vai trò nguy hiểm hơn T.

Về tình tiết tăng nặng trách Nệm hình sự: Các tình tiết phạm tội Nều lần, của các bị cáo V, H, N, T và A là tình tiết Đ khung N không coi là tình tiết tăng nặng. Các bị cáo T và N đều đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội N “phạm tội 02 lần trở lên”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách Nệm hình sự: Cả 07 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo T và N phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. T sản thiệt hại của bị hại phần lớn đã thu hồi trả lại cho bị hại. Sau khi phạm tội T đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại là ông T số tiền 11.000.000đ. Các bị cáo T và A đã tự nguyện bồi thường cho những người liên quan là bà H 25.000.000; bà G 10.000.000đ; ông P 25.000.000đ và bà K 30.000.000đ. Như vậy coi như T và A đã khắc phục phần hậu quả của tội phạm do mình gây ra. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho cả bảy bị cáo. Sau khi thực hiện tội phạm ngoài các hành vi bị phát hiện thì cả 07 bị cáo đều tự nguyện khai ra các hành vi phạm tội trước đó N coi như tất cả các bị cáo đã tự thú. Cha bị cáo T là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là thương binh hạng 2/4. Bản thân T đã đi bộ đội cầm súng bảo vệ tổ quốc đã được xuất ngũ do đó coi như T cũng có công với nước. Bị cáo T có 02 con nhỏ, trong đó có một con mới sinh. Vì vậy cần áp dụng các điểm r, s khoản 1 khoản 2 khoản 51 Bộ luật Hình sự N 2015 để giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo V, N và H. Áp dụng các điểm h, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự N 2015 để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo N. Áp dụng các điểm b, h, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự N 2015 để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo T. Áp dụng các điểm b, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự N 2015 để giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo T và A. T và A có Nều tình tiết giảm nhẹ quy Đ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự N 2015. Vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự N 2015 để giảm nhẹ dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy Đ đối với T và A.

[6] Đối với:

Bà Nguyễn Thị H, bà Phan Thị G, bà Bùi Thị K, ông Tô Thanh P là những người mua heo của các bị cáo T, A nhưng không biết là heo do T và A phạm tội mà có.

Ông Đào Duy T giúp T đưa heo lên xe tải, nhưng T không biết là heo do T phạm tội mà có, N Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Châu Đức truy cứu trách Nệm hình sự đối với bà H, bà G, bà K, ông P và ông Tấn.

Đào Duy T chở thuê 70 bao cám heo CP cho T. T không biết là T sản do T phạm tội mà có được Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Châu Đức truy cứu trách Nhiệm hình sự T về hành vi này.

Đối với Đặng Văn N, sau khi phạm tội đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết Đ truy nã N.

[7] Về trách Nệm dân sự:

Ông T tiếp yêu cầu các bị cáo V, H tiếp tục liên đới bồi thường cho ông T số tiền 21.725.000 đồng theo giá mà hội đồng Đ giá kết luận.

Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H cũng đồng ý tiếp tục liên đới bồi thường cho ông T số tiền 21.725.000 đồng (mỗi bị cáo bồi thường số tiền 10.862.500đ) theo yêu cầu của ông T. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận này của các bị cáo với bị hại.

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu các bị cáo Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H và Đặng Văn N tiếp tục liên đới bồi thường cho bà H số tiền 114.040.000đ.

Bà Phan Thị G yêu cầu các bị cáo Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H và Đặng Văn N tiếp tục liên đới bồi thường cho bà G số tiền 37.250.000đ.

Ông Tô Thanh P yêu cầu các bị cáo Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H và Đặng Văn N tiếp tục liên đới bồi thường cho ông P số tiền 90.450.000đ.

Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H và Đặng Văn N cũng đồng ý tiếp tục liên đới bồi thường cho bà H, bà G và ông P theo yêu cầu của bà H, bà G và ông P. Cụ thể, các bị cáo Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H và Đặng Văn N mỗi bị cáo bồi thường cho:

Bà Nguyễn Thị H số tiền 38.013.000 đồng.

Bà Phan Thị G số tiền 12.417.000 đồng.

Ông Tô Thanh P số tiền 30.150.000 đồng.

Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận này của các bị cáo với những người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà H, bà G và ông P.

Bà Bùi Thị K đã nhận tiền bồi thường từ Nguyễn Hồng Â số tiền 15.000.000 đồng, Đào Duy T số tiền: 15.000.000 đồng và của ông Phạm Hồng T số tiền: 11.000.000 đồng bà K không còn yêu cầu về trách Nhiệm dân sự N trách Nhiệm dân sự của các bị cáo với bà K chấm dứt.

Bà Hồ Thị O (là mẹ của Trương Quốc T) đã tự nguyện bồi thường cho ông T số tiền 11.000.000 đồng thay cho bị cáo T. Bà O không yêu cầu T trả lại số tiền mà bà O đã bồi thường cho ông T, N trách Nhiệm dân sự giữa bà O và bị cáo T chấm dứt.

Bà Trần Thị Bé N đã nhận lại T sản của bà bị cơ quan điều tra thu giữ. Bà N không có ý kiến gì nên không xét.

Bà Phan Kim X (là mẹ của bị cáo Đặng Hoàng H). Khi cơ quan điều tra thu giữ những T sản do H phạm tội mà có thì bà X tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra và bà X không có ý kiến gì nên không xét.

[8] Xử lý vật chứng:

* 138 con heo thịt, giống heo CP, màu trắng-đốm đen, trên tai có bấm lỗ và hình xăm gồm:

50 con heo trọng lượng là 4.000 kg, là số heo mà bà Nguyễn Thị H mua từ Nguyễn Hồng Â;

20 con heo trọng lượng là 1.340 kg, là số heo mà bà Phan Thị G mua từ Nguyễn Hồng Â;

20 con heo trọng lượng là 1.210 kg, là số heo mà bà Bùi Thị K mua từ Nguyễn Hồng Â;

48 con heo trọng lượng là 3.408 kg, là số heo mà ông Tô T P mua từ Â, T.

Toàn bộ số heo này là T sản hợp pháp của ông Phạm Hồng T. Ngày 23/02/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện Châu Đức đã trả lại cho ông T (đã xử lý xong).

* 30 con heo con, giống heo CP, màu trắng-đốm đen, trên tai có bấm lỗ và hình xăm, tổng trọng lượng là 2.720 kg mà Hoàng Văn N đổi và mua từ bị cáo V. Đây là T sản hợp pháp của ông Phạm Hồng T. Ngày 03/10/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện Châu Đức đã trả lại cho ông T (đã xử lý xong).

* 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu THACO FRONTIGER, màu xanh, BKS: 72C-039.13 là phương tiện phạm tội, do Đào Duy T đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác Đ chiếc xe này thuộc quyền sở hữu của bà Bùi Thị K (mẹ ruột T), do bà K không có lỗi trong việc để T sử dụng vào việc phạm tội. Vì vậy, ngày 08/9/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện Châu Đức đã trả lại chiếc xe cho bà K (đã xử lý xong).

* 02 chiếc nhẫn vàng 24 K, ký hiệu Kim Ngọc Hiến 20 9999, trọng lượng 02 chỉ/ 01 chiếc; 01 chiếc nhẫn vàng 24 K, ký hiệu Kim Ngọc Hiến 10 9999, trọng lượng 01 chỉ, là T sản của Trần Thị Bé N (là vợ của Đặng Văn N), N ngày 26/01/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện Châu Đức đã trả lại cho Trần Thị Bé N (đã xử lý xong).

* 70 bao cám heo CP, kí hiệu 552, loại 50 kg/01bao, sau khi mua của V, T đã bán cho 02 người dân nuôi heo trên địa phận Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện Châu Đức không thu hồi được Nên không xét.

* Số tiền 97.000.0000 đồng, là số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo T và A nhưng T và A đã tiêu xài hết. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện Châu Đức không thu hồi được, Nên không xét.

* Số tiền 21.000.000 đồng có được sau khi bán cám cho Trương Quốc T, bị cáo V đã cho bị cáo H 2.000.000 đồng. Số tiền còn lại V đã tiêu xài cá nhân hết, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện Châu Đức không thu hồi được, Nên không xét.

* Số tiền 2.000.000 đồng mà V cho, H đã tiêu xài cá nhân hết Nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi được, Nên không xét.

* 01 chiếc điện thoại di động bị cáo Huỳnh Thị V dùng vào việc phạm tội. V đã làm mất, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được, Nên không xét.

[9] Đối với các vật chứng đã thu giữ gồm:

* 01 máy tính xách tay hiệu ASUS 554L, Intel core i5, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A33W, màu trắng; 01 chiếc nhẫn vàng 18K, kí hiệu: VM2TS 6107, trọng lượng 2,5 chỉ là những Tài sản của Đặng Văn N.

* 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu QUNIMEX, màu xanh, BS: 94H2-3700, SM: 152FMH-003681, SK: H9HG6G-003681; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SOZ S666, màu đen, số Imei 1: 15401011000364, số Imei 2: 15401012000364; 01 chiếc nhẫn vàng 24K, kí hiệu: Kim V Hồ 9999 20, trọng lượng 02 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 24K, kí hiệu: Kim V Sơn 9999 10, trọng lượng: 01 chỉ; 05 tờ tiền Polime Việt Nam mệnh giá: 200.000đ/01 là của Đặng Hoàng H.

* 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen, kèm theo Sim số: 0977138247 là của Đào Duy T.

* 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R831, màu đen-xám, kèm theo Sim số: 0965728829 là của Nguyễn Hồng Â.

Toàn bộ số vật chứng, tiền và T sản nêu trên là công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm, là tiền, T sản do phạm tội mà có thì áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự 1999; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước.

Hiện Chi cục thi hành án dân sự Huyện Châu Đức đang quản lý toàn bộ các vật chứng trên.

[10] Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh các bị cáo đang khó khăn, lại phải bồi thường dân sự N Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] **Về án phí:** Các bị cáo Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H, Đặng Văn N, Đào Duy T, Nguyễn Hồng Â, Trương Quốc T và Hoàng Văn N mỗi bị cáo phải nộp: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Huỳnh Thị V và Đặng Hoàng H mỗi bị cáo phải nộp 4.572.125đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị cáo Đặng Văn N phải nộp 4.029.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Các bị cáo: Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H, Đặng Văn N, Trương Quốc T và Hoàng Văn N đồng phạm tội “Trộm cắp T sản” quy Đ tại Điều 173 Bộ luật hình sự N 2015;

Các bị cáo Đào Duy T và Nguyễn Hồng Â đồng phạm tội “Tiêu thụ Tài sản do người khác phạm tội mà có” quy Đ tại Điều 323 Bộ luật hình sự N 2015.

1/ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt các bị cáo:

Huỳnh Thị V 08 (tám) N tù về tội “Trộm cắp T sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 12/4/2016 (ngày mười hai, tháng tư, N hai nghìn mười sáu).

Đặng Hoàng H 07 (bảy) N 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp T sản”.

Đặng Văn N 07 (bảy) N tù về tội “Trộm cắp T sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 04/02/2016 (ngày bốn, tháng hai, N hai nghìn mười sáu) đối với cả hai bị cáo H và N.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Hoàng Văn N 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp T sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt để thi hành án.

3/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo: Trương Quốc T 05 (N) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù về tội “Trộm cắp T sản”, nhưng trừ cho T 05 (N) tháng 28 (hai mươi tám) ngày T đã bị tạm giam trước đó (từ ngày 11/4/2017 đến ngày 05/10/2017). Bị cáo T đã chấp hành xong hình phạt tù.

4/ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; các điểm b, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; các Điều Điều 17; Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Hồng Â 20 (hai mươi) tháng 08 (tám) ngày tù về tội “Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có”, nhưng trừ cho Â 20 (hai mươi) tháng 08 (tám) ngày mà Â đã bị tạm giam trước đó (từ ngày 06/02/2016 đến ngày 05/10/2017). Bị cáo Â đã chấp hành xong hình phạt tù.

Đào Duy T 11 (mười một) tháng 16 (mười sáu) ngày tù về tội “Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có”, nhưng trừ cho T 11 (mười một) tháng 16 (mười sáu) ngày mà T đã bị tạm giam trước đó (từ ngày 06/02/2016 đến ngày 16/01/2017). Bị cáo T đã chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách Nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H và Đặng Văn N với bị hại là ông Phạm Hồng T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H, bà Phan Thị G và ông Tô T Plà:

Huỳnh Thị V và Đặng Hoàng H mỗi bị cáo bồi thường cho ông Phạm Hồng T số tiền 10.862.500đ (Mười triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, N trăm đồng).

Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H và Đặng Văn N mỗi bị cáo bồi thường cho:

Bà Nguyễn Thị H số tiền 38.013.000 đồng (Ba mươi tám triệu, không trăm mười ba nghìn đồng).

Bà Phan Thị G số tiền 12.417.000 đồng (Mười hai triệu, bốn trăm mười bảy nghìn đồng).

Ông Tô T P số tiền 30.150.000 đồng (Ba mươi triệu, một trăm N mươi nghìn đồng).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Giành quyền khởi kiện cho các bị cáo V, H và N đối với Đặng Văn N sau khi V, H và N bồi thường trách Nhiệm dân sự cho ông T, bà H, bà G và ông P.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Tịch thu sung quỹ nhà nước:

01 máy tính xách tay hiệu ASUS 554L, Intel core i5, màu đen;

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A33W, màu trắng, số Imei: 868346020547533.

01 chiếc nhẫn vàng 18K, kí hiệu: VM2TS 6107, trọng lượng 2,5 chỉ.

01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu QUNIMEX, màu xanh, BS: 94H2-3700, SM: 152FMH-003681, SK: H9HG6G-003681 kèm theo giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 0022387 mang tên Lý Quang Cảnh;

01 điện thoại di động nhãn hiệu SOZ S666, màu đen, số Imei 1: 15401011000364, số Imei 2: 15401012000364;

01 chiếc nhẫn vàng 24K, kí hiệu: Kim V Hồ 9999 20, trọng lượng 02 chỉ;

01 chiếc nhẫn vàng 24K, kí hiệu: Kim V Sơn 9999 10, trọng lượng: 01 chỉ;

05 tờ tiền Polime Việt Nam mệnh giá: 200.000đ/01.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen, kèm theo Sim số: 0977138247.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R831, màu đen-xám, số Imei 355139043738738 kèm theo Sim số: 0965728829.

Hiện Chi cục thi hành án dân sự Huyện Châu Đức đang quản lý các vật chứng trên.

Án phí: Các bị cáo Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H, Đặng Văn N, Đào Duy T, Nguyễn Hồng Â, Trương Quốc T và Hoàng Văn N mỗi bị cáo phải nộp: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Huỳnh Thị V và Đặng Hoàng H mỗi bị cáo phải nộp 4.572.125đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị cáo Đặng Văn N phải nộp 4.029.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ nhà nước.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/4/2018) bị cáo Huỳnh Thị V, Đặng Hoàng H, Đặng Văn N, Đào Duy T, Nguyễn Hồng Â, Trương Quốc T và Hoàng Văn N, ông Phạm Hồng T, bà Nguyễn Thị H, bà Phan Thị G, ông Tô T Phụng, bà Hồ Thị O; bà Trần Thị Bé N có quyền kháng cáo. Đối với bà Bùi Thị K, ông Đào Duy Tấn và bà Phan Kim X vắng mặt thì thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoãn niêm yết có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Dân